

ĐỀ LÀN 2

Mẫu đề thi đáp ứng chuẩn đầu ra học phần (CLO) và phục vụ đo lường đánh giá mức đạt PLO/PI

(Phần dành cho giảng viên khi thiết kế đề thi và các cán bộ quản lý đào tạo)

TRƯỜNG ĐẠI HỌC VĂN LANG
KHOA TÀI CHÍNH - NGÂN HÀNGĐỀ THI CUỐI KỲ
HỌC PHẦN THẨM ĐỊNH TÍN DỤNG
Học kỳ 2, Năm học 2023-2024

I. Thông tin chung

Học phần: Thẩm định tín dụng	Số tín chỉ: 03
Mã học phần: 71FINC40183	Mã nhóm lớp học phần: 232_71FINC40183_01,02,04,05
Thời gian làm bài: 60 phút	Hình thức thi: Trắc nghiệm + Tự luận
SV được tham khảo tài liệu:	Có <input checked="" type="checkbox"/> Không <input type="checkbox"/>
Giảng viên nộp đề thi, đáp án	Lần 1 <input checked="" type="checkbox"/> Lần 2 <input checked="" type="checkbox"/>

II. Các yêu cầu của đề thi nhằm đáp ứng CLO

(phần này phải phối hợp với thông tin từ đề cương chi tiết của học phần)

Ký hiệu CLO	Nội dung CLO	Hình thức đánh giá	Trọng số CLO trong thành phần đánh giá (%)	Câu hỏi thi số	Điểm số tối đa	Lấy dữ liệu đo lường mức đạt PLO/PI
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
CLO 1	Phân tích nguyên tắc, quy trình, nội dung thẩm định hồ sơ pháp lý, dự án phương án vay vốn, tài chính, tài sản đảm bảo của khách hàng	Trắc nghiệm	40%	Câu 1 đến câu 10	4	PLO3.M
CLO 2	Đề xuất giải pháp tín dụng dựa trên kết quả thẩm định hồ sơ pháp lý, dự án phương án vay vốn, tài chính, tài sản đảm bảo của khách hàng.	Tự luận	40%	Câu 16	4	PLO4.M
CLO 5	Tuân thủ đạo đức nghề nghiệp, ý thức pháp luật	Trắc nghiệm	20%	Câu 11 đến câu 15	2	PLO9.M

Chú thích các cột:

(1) Chỉ liệt kê các CLO được đánh giá bởi đề thi kết thúc học phần (tương ứng như đã mô tả trong đề cương chi tiết học phần). Lưu ý không đưa vào bảng này các CLO không dùng bài thi kết

thức học phần để đánh giá (có một số CLO được bố trí đánh giá bằng bài kiểm tra giữa kỳ, đánh giá qua dự án, đồ án trong quá trình học hay các hình thức đánh giá quá trình khác chứ không bố trí đánh giá bằng bài thi kết thúc học phần). Trường hợp một số CLO vừa được bố trí đánh giá quá trình hay giữa kỳ vừa được bố trí đánh giá kết thúc học phần thì vẫn đưa vào cột (1).

(2) Nêu nội dung của CLO tương ứng.

(3) Hình thức kiểm tra đánh giá có thể là: trắc nghiệm, tự luận, dự án, đồ án, vấn đáp, thực hành trên máy tính, thực hành phòng thí nghiệm, báo cáo, thuyết trình, ..., phù hợp với nội dung của CLO và mô tả trong đề cương chi tiết học phần.

(4) Trọng số mức độ quan trọng của từng CLO trong đề thi kết thúc học phần do giảng viên ra đề thi quy định (mang tính tương đối) trên cơ sở mức độ quan trọng của từng CLO. Đây là cơ sở để phân phối tỷ lệ % số điểm tối đa cho các câu hỏi thi dùng để đánh giá các CLO tương ứng, bảo đảm CLO quan trọng hơn thì được đánh giá với điểm số tối đa lớn hơn. Cột (4) dùng để hỗ trợ cho cột (6).

(5) Liệt kê các câu hỏi thi số (câu hỏi số ... hoặc từ câu hỏi số... đến câu hỏi số...) dùng để kiểm tra người học đạt các CLO tương ứng.

(6) Ghi điểm số tối đa cho mỗi câu hỏi hoặc phần thi.

(7) Trong trường hợp đây là học phần cốt lõi - sử dụng kết quả đánh giá CLO của hàng tương ứng trong bảng để đo lường đánh giá mức độ người học đạt được PLO/PI - cần liệt kê ký hiệu PLO/PI có liên quan vào hàng tương ứng. Trong đề cương chi tiết học phần cũng cần mô tả rõ CLO tương ứng của học phần này sẽ được sử dụng làm dữ liệu để đo lường đánh giá các PLO/PI. Trường hợp học phần không có CLO nào phục vụ việc đo lường đánh giá mức đạt PLO/PI thì để trống cột này.

(Phần công bố cho sinh viên)

I. Thông tin chung

Học phần: Thẩm định tín dụng	Số tín chỉ: 03
Mã học phần: 71FINC40183	Mã nhóm lớp học phần: 232_71FINC40183_01,02,03,04,05
Thời gian làm bài: 60 phút	Hình thức thi: Trắc nghiệm + Tự luận
SV được tham khảo tài liệu:	Có <input checked="" type="checkbox"/> Không <input type="checkbox"/>
Giảng viên nộp đề thi, đáp án	Lần 1 <input checked="" type="checkbox"/> Lần 2 <input checked="" type="checkbox"/>

II. Nội dung câu hỏi thi

PHẦN TRẮC NGHIỆM (6 điểm, mỗi câu đúng được 0,4đ)

Câu 1: Đối với cho vay mục đích tiêu dùng, ngân hàng dựa vào đâu để xác định số tiền vay và thời gian vay hợp lý?

- Nhu cầu phương án vay, vốn tự có, thu nhập của khách hàng.
- Hồ sơ pháp lý của khách hàng.
- Nhu cầu phương án vay, vốn tự có của khách hàng.
- Đơn đề nghị vay vốn và thu nhập của khách hàng.

ANSWER: A

Câu 2: Hệ số thanh toán hiện hành được tính bằng công thức nào?

- Tài sản lưu động/nợ ngắn hạn
- (Tài sản lưu động - hàng tồn kho)/nợ ngắn hạn.
- Tiền và các khoản tương đương tiền/nợ ngắn hạn
- Không có ý nào đúng

ANSWER: A

Câu 3: Thẩm quyền quyết định giao dịch vay vốn của công ty cổ phần là ai?

- Hội đồng quản trị
- Người đại diện theo pháp luật
- Tổng giám đốc
- Hội đồng thành viên

ANSWER: A

Câu 4: Trong sản phẩm tài trợ dự án trọn gói, tỷ lệ cho vay tối đa đối với một dự án/gói thầu là bao nhiêu?

- A. 85% tổng chi phí hợp lý thực hiện dự án
- B. 70% tổng chi phí hợp lý thực hiện dự án
- C. 75% tổng chi phí hợp lý thực hiện dự án
- D. 80% tổng chi phí hợp lý thực hiện dự án

ANSWER: A

Câu 5: Đối với cho vay bổ sung vốn lưu động, ngân hàng cho doanh nghiệp vay khi:

- A. Nhu cầu vốn lưu động kỳ kế hoạch > Nguồn vốn lưu động của doanh nghiệp
- B. Nhu cầu vốn lưu động kỳ kế hoạch < Nguồn vốn lưu động của doanh nghiệp
- C. Nhu cầu vốn lưu động kỳ kế hoạch = Nguồn vốn lưu động của doanh nghiệp
- D. Nhu cầu vốn lưu động kỳ kế hoạch \leq Nguồn vốn lưu động của doanh nghiệp

ANSWER: A

Câu 6: Thông tin nào không phải là một phần của thẩm định tín dụng?

- A. Thu nhập của những người có tên trong cùng hộ khẩu của người vay
- B. Lịch sử tín dụng
- C. Khả năng thanh toán
- D. Tình trạng thu nhập

ANSWER: A

Câu 7: Đối với phương án vay bổ sung vốn lưu động, ngân hàng xác định Hạn mức tín dụng bằng cách:

- A. Nhu cầu vốn lưu động kỳ kế hoạch – Nguồn vốn lưu động của doanh nghiệp
- B. Tài sản ngắn hạn – Nợ ngắn hạn + các khoản quỹ
- C. Tài sản ngắn hạn – Nợ ngắn hạn + các khoản quỹ + Lợi nhuận chưa phân phối + Các khoản vay ngắn hạn tại TCTD khác
- D. Tài sản ngắn hạn – Nợ ngắn hạn + các khoản quỹ + Lợi nhuận chưa phân phối

ANSWER: A

Câu 8: Tài sản dùng để bảo đảm tiền vay phải đáp ứng điều kiện nào dưới đây?

- A. Tất cả các điều kiện nêu trên
- B. Tài sản thuộc quyền sở hữu hoặc thuộc quyền sử dụng, quản lý hợp pháp của khách hàng vay hoặc của bên bảo lãnh.
- C. Tài sản được phép giao dịch tức là tài sản mà pháp luật cho phép không cấm mua, bán, tặng cho, chuyển nhượng, chuyển đổi, cầm cố, thế chấp, bảo lãnh và các giao dịch khác.
- D. Tài sản mà pháp luật quy định phải mua bảo hiểm thì khách hàng vay, bên bảo lãnh phải mua bảo hiểm tài sản trong thời hạn bảo đảm tiền vay và phải cam kết chuyển quyền hưởng tiền bồi thường từ tổ chức bảo hiểm cho ngân hàng

ANSWER: A

Câu 9: Căn cứ để ngân hàng xác định thời gian cho vay sản xuất kinh doanh?

- A. Chu kỳ sản xuất kinh doanh, phương án sử dụng vốn, khả năng trả nợ của khách hàng
- B. Giới hạn cấp tín dụng của ngân hàng, tình trạng pháp lý của khách hàng
- C. Giá trị tài sản đảm bảo, phương án kinh doanh, uy tín của doanh nghiệp
- D. Giấy đề nghị vay vốn, loại hình doanh nghiệp, thu nhập của khách hàng

ANSWER: A

Câu 10: Mục đích của việc thẩm định tín dụng là gì?

- A. Đảm bảo rủi ro được quản lý khi cho vay
- B. Tăng lãi suất cho vay
- C. Giảm khả năng thu hồi nợ
- D. Tất cả các phương án trên

ANSWER: A

Câu 11: Trong quá trình thẩm định tín dụng của doanh nghiệp, yếu tố nào sau đây cần được chú ý khi xem xét hồ sơ pháp lý của khách hàng?

- A. Người đại diện hợp pháp của doanh nghiệp
- B. Hồ sơ dự thầu của doanh nghiệp
- C. Báo cáo tài chính của doanh nghiệp
- D. Hợp đồng, hóa đơn đầu vào/đầu ra của doanh nghiệp

ANSWER: A

Câu 12: Giấy xác nhận tình trạng hôn nhân có ý nghĩa gì trong việc thẩm định hồ sơ pháp lý của khách hàng cá nhân?

- A. Xác định các cá nhân có nghĩa vụ trả nợ, xác định đầy đủ các chủ thể giao kết hợp đồng tín dụng.
- B. Đảm bảo khách hàng có gia đình khi vay vốn
- C. Xác định số tiền cho vay
- D. Xác định khả năng trả nợ của khách hàng

ANSWER: A

Câu 13: Khách hàng vay vốn có thể thế chấp tài sản nào theo quy định pháp luật?

- A. Tất cả đều đúng
- B. Tài sản thuộc sở hữu của khách hàng
- C. Tài sản thuộc sở hữu của người khác
- D. Không bắt buộc phải thế chấp tài sản

ANSWER: A

Câu 14: Ngân hàng cần lưu ý các yếu tố nào khi thẩm định phương án vay vốn của khách hàng

- A. Đánh giá tính khả thi, hiệu quả tài chính, mục đích vay, và rủi ro của phương án vay.
- B. Xem xét năng lực pháp luật dân sự và năng lực hành vi dân sự của khách hàng.
- C. Xem xét giá trị tài sản đảm bảo của khoản vay.
- D. Xem xét lịch sử trả nợ của khách hàng.

ANSWER: A

Câu 15: Ông Tiến đến ngân hàng đề nghị vay với các thông tin như sau:

Mục đích vay: mua căn hộ chung cư có giá trị 3,5 tỷ

Tài sản đảm bảo cho khoản vay là căn hộ chung cư mới mua, giá trị do NH định giá 3,5 tỷ đồng.

Hãy xác định số tiền ngân hàng cho vay tối đa là bao nhiêu? Biết rằng đối với tài sản đảm bảo là BĐS ngân hàng cho vay tối đa 75% trên giá trị định giá; với nhu cầu vay mua căn hộ, ngân hàng yêu cầu ông Tiến phải có vốn đối ứng 30%.

- A. 2.450.000.000 đ
- B. 2.625.000.000 đ
- C. 2.000.000.000 đ
- D. 3.500.000.000 đ

ANSWER: A

PHẦN TỰ LUẬN (4 điểm)

Câu 16: (4 điểm): Anh Nguyễn Thành, hiện đang là trưởng phòng kinh doanh công ty Mobifone, có thu nhập lương sau khi trừ thuế thu nhập cá nhân là 40 triệu đồng/tháng. Vợ anh Thành, chị Nguyễn Hà My, đang là nhân viên công ty xây dựng, lương 19 triệu đồng/tháng. Hai vợ chồng hiện đang ở cùng với bố mẹ anh Thành, hai vợ chồng có 1 con gái, năm nay 5 tuổi. Với ý định ra ở riêng, anh Thành mua căn chung cư (theo hình thức trả góp). Ngày 20/01/2024 anh Thành đã ký hợp đồng với công ty Vinaconex để mua căn hộ chung cư với giá 1,9 tỷ đồng, thỏa thuận thanh toán làm 04 đợt như sau:

- Đợt 1: thanh toán ngay khi ký hợp đồng 300 triệu đồng.
- Đợt 2: thanh toán ngày 20/04/2024 số tiền 500 triệu đồng.
- Đợt 3: Thanh toán ngày 20/07/2024 số tiền 500 triệu đồng.
- Đợt 4: Thanh toán số tiền còn lại ngày 20/10/2024.

Tài chính của hai vợ chồng có 900 triệu đồng, do đó có nhu cầu vay ngân hàng 1 tỷ đồng để thanh toán cho chủ đầu tư.

Yêu cầu:

- a) Bạn hãy liệt kê 5 loại giấy tờ trong hồ sơ tài chính của khách hàng này? (1điểm)
- b) Hãy tư vấn cho anh Thành về thời gian vay phù hợp với phương thức trả gốc và lãi định kỳ hàng

tháng. Biết rằng chi phí sinh hoạt hàng tháng của gia đình anh Thành là 25 triệu đồng, ngân hàng cho vay với lãi suất 12%/năm tính trên dư nợ ban đầu. (1điểm)

c) Hãy lập lịch giải ngân cho khoản vay này? Bạn sẽ đề xuất cách giải ngân như thế nào để đảm bảo khách hàng sử dụng vốn vay đúng mục đích? (1 điểm)

d) Tài sản đảm bảo cho khoản vay là căn nhà đứng tên ông Vĩnh - ba anh Thành, hãy cho biết trường hợp này ngân hàng sẽ giao kết hợp đồng thế chấp với ai? (1 điểm)

Đáp án:

a) SV liệt kê 5 giấy tờ, mỗi giấy tờ đúng được 0,2 điểm.

b) Thu nhập hàng tháng của gia đình: $40 + 19 = 59$ triệu đồng (0,2)

Nguồn thu nhập sẵn sàng trả nợ cho NH: $59 - 25 = 34$ triệu đồng (0,2đ)

Số tiền lãi phải trả tháng: $1 \text{ tỷ} \times 12\%/12 = 10$ triệu đồng (0,2đ)

Số tiền gốc trả mỗi tháng: $34 - 10 = 24$ triệu đồng (0,2đ)

Thời gian vay ngắn nhất: $1 \text{ tỷ}/24 \text{ triệu} = 42$ tháng (0,2đ)

c) **Lịch giải ngân (0,5đ)**

Lần	Ngày	Số tiền
1	20/07/2024	400.000.000 đồng
2	20/10/2024	600.000.000 đồng

Phương thức giải ngân để đảm bảo khách hàng sử dụng vốn vay đúng mục đích: giải ngân bằng cách chuyển trả trực tiếp cho chủ đầu tư. (0,5đ)

d) Ngân hàng sẽ giao kết hợp đồng thế chấp với chủ sở hữu tài sản. Do đó, khi thẩm định nhân viên ngân hàng phải căn cứ ngày cấp giấy chủ quyền đứng tên ông Vĩnh có trước hay sau kết hôn, trong trường hợp nếu đây là tài sản riêng của ông Vĩnh thì chỉ cần giao kết hợp đồng thế chấp với ông Vĩnh, trong trường hợp tài sản hình thành sau hôn nhân, là tài sản chung của 2 vợ chồng thì ngân hàng giao kết hợp đồng thế chấp với cả 2 người, mặc dù giấy tờ chủ quyền chỉ có tên ông Vĩnh. (1đ)

TP. Hồ Chí Minh, ngày 11 tháng 03 năm 2024

NGƯỜI DUYỆT ĐỀ

GIẢNG VIÊN RA ĐỀ

TS. MAI THỊ PHƯƠNG THỦY

THS. PHẠM THỊ NGỌC LAN